

CÔNG TY CP NHỰA BAO BÌ VINH
VBC

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH
V/v: Giám LNST quý 4/2021 trên 10%

KÍNH GỬI: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế Quý 4 của năm này tăng 31.3 % so với quý 4 năm 2020 như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 4		Tỷ lệ tăng, giảm	yếu tố giảm hiệu quả	Yếu tố tăng hiệu quả
	Năm này	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.113.325.212	226.061.877.842	119,49		44.051.447.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.113.325.212	226.061.877.842	119,49		
4. Giá vốn hàng bán	246.517.631.090	205.672.016.149	119,86	40.845.614.941	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.595.694.122	20.389.861.693	115,72	2.895.708	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	684.787.494	681.891.786			
7. Chi phí tài chính	3.385.334.696	2.897.088.101	116,85	488.246.595	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.753.160.777	2.666.890.213	103,23		
8. Chi phí bán hàng	6.276.758.332	4.606.431.056	136,26		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.073.709.950	6.209.708.486	136,26		1.135.998.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.544.678.638	7.358.525.836	81,71		
11. Thu nhập khác	22.881.876	213.448.886	129,71		
12. Chi phí khác	31.905.219	33.505.129	10,72	236.330.762	
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	9.023.343	179.943.757	95,22		
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.535.655.295	7.178.582.079			
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.931.503.423	1.389.332.702	132,83	2.357.073.216	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.604.151.872,00	5.789.249.377,00	131,35		
Cộng				43.930.161.222	45.187.445.906
Chênh lệch					1.257.284.684

Như vậy, LNST quý 4 năm nay tăng 31.3 % so với quý 4 năm trước chủ yếu do tăng doanh thu và chi phí QLDN giảm.

Vinh, ngày 29 tháng 01 năm 2022

